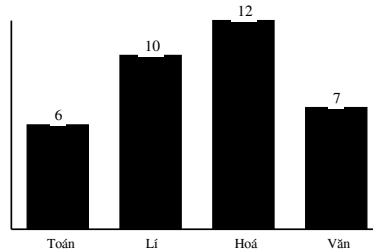


Họ, tên thí sinh:

Mã đề: 1751

Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1:** Biểu đồ cột bên cho biết số học sinh đạt giải ở mỗi môn. Tổng số học sinh đạt giải bằng:

A. 35

B. 36

C. 33

D. 12

Câu 2: Cho tam giác ABC, M là trung điểm AB, N là trung điểm AC. Biết $BC = 12$ cm thì độ dài MN bằng:

A. 3 cm

B. 6 cm

C. 12 cm

D. 24 cm

Câu 3: Tam giác ABC vuông tại A có $AB = 6$, $AC = 8$, phân giác trong AD (D thuộc BC). Tỉ số BD/DC bằng:A. $3/4$

B. 1

C. $2/3$ D. $4/3$ **Câu 4:** Nghiệm của phương trình $x^2 - 9 = 0$ trong tập số dương là:

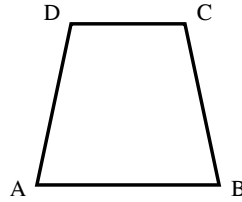
A. 3

B. 9

C. -3

D. ± 3 **Câu 5:** Trong các cặp đơn thức sau, cặp nào là đồng dạng?A. $2x^2y$ và $2xy^2$ B. x^2y^2 và xy C. $4x^2y$ và $4x^2$ D. $-5xy^2$ và $3xy^2$

Câu 6: Chọn phương án SAI trong các phương án sau: A. Tứ giác có hai cạnh đối song song là hình thang B. Hình thang có hai cạnh bên song song là hình bình hành C. Tứ giác có bốn góc vuông là hình vuông D. Tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường là hình bình hành



A. Hình thang có hai cạnh bên song song là hình bình hành

B. Tứ giác có hai cạnh đối song song là hình thang

C. Tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường là hình bình hành

D. Tứ giác có bốn góc vuông là hình vuông

Câu 7: Cho tam giác ABC đồng dạng tam giác DEF biết góc $A = 60^\circ$, góc $B = 40^\circ$. Khi đó góc D bằng:

A. 70°

B. 60°

C. 80°

D. 50°

Câu 8: Nghiệm của phương trình $x/(x - 1) = 2$ ($x \neq 1$) là:

A. 1

B. -2

C. 0

D. 2

Câu 9: Nghiệm của phương trình $2x - 6 = 0$ là:

A. $x = 3$

B. $x = 2$

C. $x = 6$

D. $x = -3$

Câu 10: Quãng đường s (km) của ô tô chạy với vận tốc 50 km/h trong t giờ là $s = 50t$. Đại lượng nào là hàm số, đại lượng nào là biến số?

A. Hàm số: quãng đường s ; biến số: số giờ t

B. Hàm số: số giờ t ; biến số: vận tốc 50

C. Hàm số: quãng đường s ; biến số: vận tốc 50

D. Hàm số: số giờ t ; biến số: quãng đường s

Câu 11: Hai đơn thức nào sau đây đồng dạng với nhau?

A. $4x^2y$ và $4xy^2$

B. x^2y^2 và x^2y

C. $3xy^2$ và $-7xy^2$

D. $2x^2y$ và $-5xy^2$

Câu 12: Phân tích đa thức $x^2 - 12x + 36$ thành nhân tử, ta được:

A. $x(x - 12)$

B. $(x - 6)(x + 6)$

C. $(x + 6)^2$

D. $(x - 6)^2$

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 7. Câu 1–5: trả lời ngắn (ghi đáp số); câu 6–7: tự luận (trình bày lời giải).

Câu 1: Rút gọn phân thức $4x/x$ (với $x \neq 0$) ta được: Trả lời:

Câu 2: Một tam giác vuông có hai cạnh góc vuông là 8 và 15. Độ dài cạnh huyền bằng: Trả lời:

Câu 3: Một màn hình ti vi hình chữ nhật có chiều rộng 24 và chiều cao 10 (inch). Độ dài đường chéo màn hình bằng: Trả lời:

Câu 4: Một cái cây bị gãy, ngọn cây chạm đất cách gốc 7 m, phần thân còn đứng cao 24 m. Hỏi đoạn cây bị gãy dài bao nhiêu mét? Trả lời:

Câu 5: Hai số có tổng bằng 31 và hiệu bằng 7. Số lớn là: Trả lời:

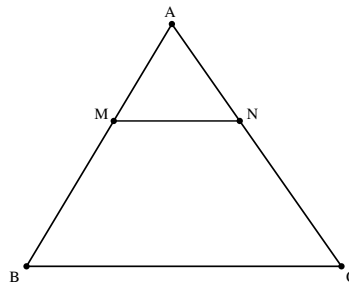
Câu 6: Cho tam giác ABC. Trên cạnh AB lấy điểm M, trên cạnh AC lấy điểm N sao cho $MN \parallel BC$.

a) Chứng minh tam giác AMN đồng dạng với tam giác ABC.

b) Cho $AM/AB = 2/3$ và $BC = 9$ cm. Tính độ dài MN.

c) Biết diện tích tam giác AMN bằng 8 cm^2 . Tính diện tích tam giác ABC.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



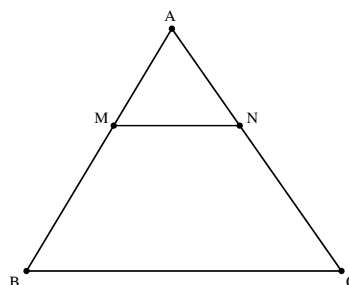
Câu 7: Cho tam giác ABC, đường thẳng d song song với BC, cắt cạnh AB tại M và cắt cạnh AC tại N.

a) Chứng minh $AM/AB = AN/AC$.

b) Chứng minh $AM/MB = AN/NC$.

c) Cho $AM = 3$ cm, $MB = 2$ cm, $AC = 7,5$ cm. Tính độ dài AN.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO — Đề thi thử giữa học kỳ 2 môn Toán lớp 8 — Đề số 1

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	A	A	D	D	B	D	A	A	C	D

Phần II. Tự luận

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	4	17	26	25	19	(TL)	(TL)

* Lời giải chi tiết từng câu chỉ hiển thị sau khi mở khoá đáp án của đề (hoặc mua trọn bộ).